

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI

State Management of Land

Mã học phần: SML 33021 – Số tín chỉ: 02

Dùng cho chuyên ngành: Quản lý tài nguyên đất đai

Điều kiện tiên quyết : Không

Hình thức đào tạo: Trực tiếp - Trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Môi trường

1. Mô tả chung về học phần

Học phần Quản lý Nhà nước về đất đai là học phần trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhà nước và bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, QLNN và QLHCNN, đại cương QLNN về đất đai. Từ đó giúp sinh viên có kỹ năng áp dụng các quy định, các văn bản pháp lý giải quyết các tình huống pháp luật cụ thể trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngành quản lý đất đai. Vận dụng được kiến thức chuyên môn và thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản soạn thảo được một số văn bản liên quan đến công tác QLHCNN về đất đai. Đây là học phần cung cấp các kiến thức cơ sở về ngành quản lý đất đai để trang bị cho sinh viên kiến thức phục vụ học các môn trong khối kiến thức chuyên ngành như: Thống kê đất đai, đăng ký đất đai.....

2. Mục tiêu của học phần

Kiến thức: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; QLNN và QLHCNN; QLNN về đất đai giúp sinh viên có kỹ năng để áp dụng các quy định, các văn bản pháp lý giải quyết các tình huống pháp luật cụ thể trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngành quản lý đất đai. Vận dụng các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản và kiến thức chuyên môn để soạn thảo được các văn bản hành chính phục vụ công tác QLNN về đất đai.

Kỹ năng: Thực hiện soạn thảo được một số loại văn bản quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, áp dụng các quy định, các văn bản pháp lý để giải quyết các tình huống pháp luật cụ thể trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngành quản lý đất đai.

Thái độ: Rèn luyện cho người học chủ động trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; thành thạo tìm kiếm tài liệu để tiếp cận với khoa học hiện đại và có ý thức học tập suốt đời. Chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể, khả năng làm việc nhóm, khả năng tổ chức lãnh đạo và thuyết trình

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy kết hợp giữa thuyết trình, thảo luận, hướng dẫn bài tập

Hình thức giảng dạy: Có thể tại lớp, thực hành trên hiện trường và trực tuyến

4. Chuẩn đầu ra của học phần

| Mã | Chuẩn đầu ra học phần |
|------|---|
| a3-3 | a. Trình bày và phân tích được các kiến thức cơ bản về nhà nước, bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, QLNN và QLHCNN, QLNN về đất đai, từ đó sinh viên có kỹ năng vận dụng các quy định để giải quyết các tình huống pháp luật cụ thể trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngành quản lý đất đai. |
| | b. Đánh giá được tình hình QLNN về đất đai theo các nội dung QLNN về đất đai phục vụ cho việc quản lý ngành này trên thực tế. |

| | |
|-------------|---|
| a4-3 | a. Xác định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn đối với lĩnh vực đất đai của từng cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy ngành tài nguyên và môi trường. |
| | b. Vận dụng hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực QLNN về đất đai để giải quyết các tình huống pháp luật cụ thể trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. |
| a5-3 | Áp dụng các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản và kiến thức chuyên môn để soạn thảo được các văn bản hành chính phục vụ công tác QLNN về đất đai; |
| b1-3 | Có kỹ năng vận dụng một số loại văn bản pháp quy và chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc giải quyết các tình huống pháp luật hoặc xây dựng văn bản trong lĩnh vực quản lý đất đai. |
| b2-3 | Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các thông tin trong các hoạt động QLNN về đất đai; có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các tình huống pháp luật, phối hợp và hỗ trợ nhau trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; |
| b4 | Có kỹ năng làm việc độc lập, tương tác với người khác trong hoạt động nhóm |
| c1 | Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác QLNN nói chung và công tác QLNN về đất đai nói riêng |
| c2 | Hiểu biết quy định, pháp luật liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai |

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Khắc Thái Sơn (2011), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về đất đai*, NXB Thống kê

[2] Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Luật đất đai 2013*, NXB Lao Động.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), *Hiến pháp năm 2013*, NXB Lao Động.

[4] Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013.

[5] Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường

[6] Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở tài nguyên và môi trường thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phòng tài nguyên và môi trường thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện

[7] Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[8] Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

[9] Thông tư liên tịch 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc sở tài nguyên và môi trường.

[10] Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

6. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 70% tổng số thời lượng của học phần;
- Tích cực tham gia trao đổi, thảo luận nhóm và hoàn thành các nhiệm vụ được giảng viên giao theo đúng quy định.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu chính và tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Hoàn thành và đạt yêu cầu các bài kiểm tra của học phần
- Tham gia thi kết thúc học phần theo quy định

7. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

| Chủ đề, nội dung giảng dạy, đánh giá | Hoạt động học tập của người học | | | | Chuẩn đầu ra |
|---|--|----|---|----|--------------|
| | Hoạt động trên lớp | ST | Hoạt động tự học | ST | |
| Chương 1. Khái quát chung về nhà nước và bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam | | 4 | | 8 | |
| 1.1. Nguồn gốc Nhà nước | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá về nguồn gốc ra đời của Nhà nước. - Nêu ý kiến với các nội dung trình bày | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chính 1 - Tìm hiểu sự ra đời của Nhà nước | 2 | a3a, c1 |
| 1.2. Khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng của Nhà nước | <p>* Sinh viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng của Nhà nước. | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chính 1 - Trả lời các câu hỏi đặc điểm, bản chất và chức năng của nhà nước | 2 | a3a, c1 |
| 1.3. Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày, giải thích được một số vấn đề về các lĩnh vực hoạt động và hệ thống các cơ quan trong bộ máy quản lý nhà nước, nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước. | | | | |
| 1.3.1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam | | | | | |
| 1.3.2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam | | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chính 1 - Khái quát bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam và các nguyên tắc tổ chức hoạt động | 4 | a3a, c1 |
| 1.3.3. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam | | | | | |
| CHƯƠNG 2. Quản lý hành chính nhà nước CHXHCN Việt Nam | | 4 | | 8 | |
| 2.1. Khái niệm quản lý, quản lý hành chính | <p>* Sinh viên:</p> | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài | 1 | a3a, |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|-------------|
| nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày, phân tích và đánh giá về nội dung quản lý, QLNN, QLHCNN. - Tham gia thảo luận hoạt động nhóm trả lời các nội dung yêu cầu | | liệu chính 1 <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm QLNN và QLHCNN - Chỉ rõ được các yếu tố quản lý trong QLNN và QLHCNN, từ đó so sánh được sự giống và khác nhau giữa QLNN với QLHCNN | | c1, b4 |
| 2.2. Đặc điểm, chức năng và nguyên tắc của quản lý hành chính nhà nước | <p>*Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày, phân tích và đánh giá về đặc điểm, chức năng và nguyên tắc của QLHCNN. - Nêu câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề trình bày ở trên | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu chính 1 - Tổng hợp được kiến thức về đặc điểm, chức năng và nguyên tắc QLHCNN | 2 | a3a, c1 |
| 2.3. Nội dung và công cụ quản lý hành chính nhà nước | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp - Trình bày, phân tích và đánh giá về nội dung và công cụ QLHCNN. - Nêu câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề trình bày ở trên | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu chính 1 - Tổng hợp lại kiến thức về nội dung, công cụ QLHCNN | 2 | a3a, c1 |
| 2.4. Hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước. | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp -Trình bày, phân tích và đánh giá về hình thức, phương pháp QLHCNN - Nêu câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề trình bày ở trên | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu chính 1 - Tổng hợp lại kiến thức về hình thức, phương pháp QLHCNN | 2 | a3a, c1 |
| Bài kiểm tra số 1 | | 1 | | 2 | a3a, c1, b4 |
| Đánh giá 1: - Bài kiểm tra số 1 (20%) | Sinh viên ôn tập lại các nội dung đã học tại chương 1 và 2 | | | | a3a, c1, b4 |

| CHƯƠNG 3. Quản lý nhà nước về đất đai | | | | | |
|---|---|-----|--|---|----------------------|
| 3.1. Khái niệm, nguyên tắc quản lý nhà nước về đất đai. | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp - Trình bày, phân tích khái niệm, nguyên tắc QLNN về đất đai - Nêu câu hỏi/ý kiến xung quanh vấn đề trình bày ở trên | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại nội dung trên lớp đã học và tổng hợp kiến thức về khái niệm và nguyên tắc QLNN về đất đai - Nghiên cứu tài liệu chính 1,2 | 2 | a3b,b2-3,c1,c2 |
| 3.2. Phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về đất đai | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp. - Trình bày, phân tích phương pháp, công cụ QLNN về đất đai | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại nội dung trên lớp đã học và tổng hợp kiến thức về phương pháp và công cụ QLNN về đất đai - Nghiên cứu tài liệu chính 1,2 | 2 | a3b,b2-3,c1,c2 |
| 3.3. Đối tượng của quản lý nhà nước về đất đai | <p>*Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp - Trình bày đối tượng QLNN về đất đai. | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại nội dung trên lớp đã học và tổng hợp kiến thức về đối tượng QLNN về đất đai - Nghiên cứu tài liệu chính 1,2 | 2 | a3b,b2-3,c1,c2 |
| 3.4. Quyền và trách nhiệm của Nhà nước đối với đất đai | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp | 0.5 | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại nội dung trên lớp đã học và tổng hợp kiến thức về quyền và trách nhiệm của Nhà nước đối với đất đai - Nghiên cứu tài liệu chính 1,2 và tài liệu tham khảo 1,2 | 1 | a4a, a3b, b2-3,c1,c2 |
| 3.5. Khái quát hệ thống tổ chức bộ máy ngành Tài nguyên và Môi trường | <p>*Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp | 1.5 | <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát lại hệ thống tổ chức bộ máy ngành tài nguyên và môi trường, chú trọng trong lĩnh vực quản lý đất đai - Nghiên cứu chính (1,2), tài liệu tham khảo (3),(4),(7) | 3 | a4a,b2-3,c1,c2 |

| | | | | | |
|--|--|----------|--|-----------|--------------------------------------|
| <p>3.6. Nội dung QLNN về đất đai</p> <p>3.6.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó</p> <p>3.6.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính</p> <p>3.6.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất</p> <p>3.6.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> <p>3.6.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>3.6.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất</p> <p>3.6.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.6.8. Thống kê, kiểm kê đất đai</p> <p>3.6.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai</p> <p>3.6.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất</p> | <p>* Sinh viên</p> <p>- Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp</p> | <p>6</p> | <p>- Sinh viên ôn tập về ghi nhớ 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai. Đọc lại các tình huống cụ thể trong công tác QLNN về đất đai và sinh viên đã đưa ra trên lớp.</p> <p>- Nghiên cứu tài liệu chính 1,2</p> | <p>12</p> | <p>a3b, b1-3, a4b, b2, b4, c1,c2</p> |
|--|--|----------|--|-----------|--------------------------------------|

| | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|
| <p>3.6.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất</p> <p>3.6.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai</p> <p>3.6.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai</p> <p>3.6.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai</p> <p>3.6.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai</p> | | | | | |
| <p>3.7. Văn bản quản lý Nhà nước</p> <p>3.7.1. Khái niệm, chức năng, phân loại văn bản quản lý nhà nước</p> <p>3.7.2. Nguyên tắc, thể thức trình bày văn bản</p> <p>3.7.3. Thực hành soạn thảo một số loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai (Tờ trình, quyết định cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình cá nhân)</p> <p>3.7.4. Thực hành soạn thảo một số loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai (Quyết định giao đất, cấp GCN đất đối với hộ gia đình cá nhân)</p> | <p>* Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời cho ý kiến về nội dung học trên lớp - Vận dụng kiến thức về thể thức trình bày văn bản cũng như QLNN về đất đai biết cách soạn thảo một số loại văn bản QLNN trong lĩnh vực đất đai. | | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tổng hợp kiến thức xác định được các loại văn bản QLNN. - Biết soạn thảo một số mẫu văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai - Nghiên cứu tài liệu chính 1,2 và tài liệu tham khảo 5,6,8 | | <p>a4ab,b 1-3, b2-3, b4, c1,c2</p> |

| | | | | | |
|--|--|-----------|--|-----------|---|
| 3.7.5. Thực hành soạn thảo một số loại văn bản QLHCNN trong lĩnh vực đất đai. (Biên bản, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai) | | | | | |
| Bài kiểm tra số 2 | | 1 | | 2 | a3b, a4-3, a5-3, b1-3, b2-3, b4, c1, c2 |
| Đánh giá số 3 : - Bài tập soạn thảo văn bản (10%) | - Nộp đầy đủ nội dung bài tập soạn thảo văn bản - Tích cực tham gia phát biểu, xây dựng bài | | | | a4ab, b1-3, b2-3, b4, c1, c2 |
| - Bài kiểm tra số 2 (10%) | - Nộp đầy đủ nội dung bài tập soạn thảo văn bản - Tích cực tham gia phát biểu, xây dựng bài | | | | a3b, a4-3, a5-3, b1-3, b2-3, b4, c1, c2 |
| Tổng số tiết | | 30 | | 60 | |

8. Đánh giá kết quả học tập

8.1 Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: c1, b4

- Hình thức đánh giá: Mức độ và thái độ tham gia học tập trên lớp
- SV cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi của giảng viên.
- Thời hạn đánh giá: Trong các buổi học
- Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: Công bố điểm vào buổi cuối cùng.
- Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: Không
- Ma trận đánh giá:

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Khung điểm | | | | |
|-------------------|--------------|---|----------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---|
| | | A | B | C | D | F |
| | | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Thái độ tham dự | 50 | Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời đúng >6 câu hỏi | Có đặt/trả lời > 4 câu hỏi | Có đặt/trả lời ít nhất 2 câu hỏi | Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi | Không tham gia làm bài tập, thảo luận trả lời câu hỏi |

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Khung điểm | | | | |
|-------------------|--------------|--|-----------|-----------|-----------|-------|
| | | A | B | C | D | F |
| | | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Thời gian tham dự | 50 | Mỗi buổi vắng trừ 10% và không được vắng trên 20% tổng số buổi | | | | |

8.2 Hoạt động đánh giá 2- Chuẩn đầu ra: a3a, c1, b4

- Hình thức đánh giá: Bài kiểm tra số 1 (nội dung thuộc chương 1, 2).
- Các yêu cầu: SV làm bài kiểm tra trên lớp trong 50 phút.
- Thời hạn nộp bài: Sau khi học xong Chương 2.
- Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: Sau khi thực hiện bài kiểm tra 1 tuần, công bố điểm trên lớp.
- Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: Không
- Cấu trúc bài kiểm tra và thang điểm đánh giá: 2 câu hỏi tự luận (4 điểm/câu) và 1 câu hỏi tình huống hoặc so sánh (2 điểm).

8.3 Hoạt động đánh giá 3 - Chuẩn đầu ra: a4ab,b1-3, b2-3, b4, c1,c2

- Hình thức đánh giá: Bài tập soạn thảo văn bản.
 - Các yêu cầu: Nhận đề bài và tiến hành lựa chọn văn bản cho phù hợp để trình bày theo quy định thể thức trình bày văn bản và quy định của công tác QLNN về đất đai.
 - Thời hạn nộp bài: Theo yêu cầu của giáo viên
 - Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: trước khi kết thúc môn học, công bố điểm trên lớp.
 - Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: Không
- Ma trận đánh giá:

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Khung điểm | | | | |
|-------------------|--------------|--|--|--|--|---|
| | | A | B | C | D | F |
| | | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| Cấu trúc | 15 | Cân đối, hợp lý | Khá cân đối, hợp lý | Tương đối cân đối, hợp lý | Chưa thật cân đối, hợp lý | Không cân đối, thiếu hợp lý |
| Hình thức báo cáo | 15 | Được định dạng cẩn thận, đẹp, rõ ràng, không lỗi chính tả đúng thể thức, lựa chọn văn bản đúng | Trình bày đẹp, vài sai sót nhỏ về định dạng hoặc lỗi chính tả, sai một chút về thể thức, lựa chọn đúng văn bản | Trình bày đẹp, nhiều chỗ định dạng chưa nhất quán, một số lỗi chính tả, sai thể thức nhiều, lựa chọn đúng loại văn bản | Trình bày chưa đẹp, còn nhiều sai sót về định dạng, lỗi chính tả, lựa chọn đúng loại văn bản, trình bày sai rất nhiều thể thức | Không được định dạng cẩn thận, lỗi chính tả rất nhiều, lựa chọn ko đúng văn bản, sai thể thức |
| Nội dung báo cáo | 70 | Đáp ứng 85%- | Đáp ứng 70%-84% | Đáp ứng 55%- | Đáp ứng dưới | Đáp ứng dưới 40% |

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Khung điểm | | | | |
|-------------------|--------------|--------------|-----------|-------------|------------------|---------|
| | | A | B | C | D | F |
| | | 8,5 ÷ 10 | 7,0 ÷ 8,4 | 5,5 ÷ 6,9 | 4,0 ÷ 5,4 | < 4,0 |
| | | 100% yêu cầu | yêu cầu | 69% yêu cầu | 40 - 54% yêu cầu | yêu cầu |

8.4 Hoạt động đánh giá 4 - Chuẩn đầu ra: a3b, a4-3, a5-3, b1-3, b2-3, b4, c1,c2

- Hình thức đánh giá: Bài kiểm tra số 2 (nội dung thuộc chương 3).
- Các yêu cầu: SV làm bài kiểm tra trên lớp trong 50 phút.
- Thời hạn nộp bài: Sau khi học xong Chương 3.
- Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: Sau khi kết thúc môn 1 tuần.
- Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: Không
- Cấu trúc bài kiểm tra và thang điểm đánh giá: 2 câu hỏi tự luận (3 điểm/câu) và 1 câu hỏi soạn thảo văn bản trong lĩnh vực quản lý đất đai (4 điểm).

8.5 Hoạt động đánh giá 5 - Chuẩn đầu ra: a3ab, a4ab, a5-3, b1, b2, b4, c1,c2

- Hình thức đánh giá: Bài kiểm tra cuối kỳ (toàn bộ nội dung môn học).
- Các yêu cầu: SV làm bài thi tự luận theo lịch thi trong 60'.
- Thời hạn nộp bài: Sau khi kết thúc buổi thi.
- Thời điểm và cách thức công bố kết quả đánh giá: Sau khi thi 1 tuần.
- Thời điểm làm lại bài đánh giá nếu chưa đạt: Không.
- Cấu trúc bài kiểm tra và thang điểm đánh giá: 2 câu hỏi tự luận với cấu trúc: 2 câu 3 điểm/câu, 1 câu 4 điểm/câu về soạn thảo văn bản liên quan công tác quản lý nhà nước về đất đai

8.6 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

| STT | Hoạt động đánh giá | Trọng số(%) |
|-----|---|-------------|
| 1 | Hoạt động đánh giá 1: Mức độ và thái độ tham gia học tập trên lớp | 10 |
| 2 | Hoạt động đánh giá 2: Bài kiểm tra số 1 | 20 |
| 3 | Hoạt động đánh giá 3: Bài tập soạn thảo văn bản | 10 |
| 4 | Hoạt động đánh giá 4: Bài kiểm tra số 2 | 10 |
| 5 | Hoạt động đánh giá 5: Bài kiểm tra cuối kỳ | 50 |
| | Tổng cộng | 100 |

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Giảng viên: Máy tính, máy chiếu, mic, loa, bút chỉ,
- Sinh viên: Máy tính, bút, vở, giáo trình...

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Đề tạo một môi trường cởi mở và an toàn cho các buổi học trong lớp, giảng viên phải tôn trọng sinh viên, yêu cầu sinh viên tôn trọng giảng viên và tôn trọng lẫn nhau, tránh căng thẳng, thậm chí cả khi cần phải bày tỏ ý kiến bất đồng.

Sinh viên phải tuân thủ các quy định an toàn và an ninh học đường. Nếu có vấn đề phát sinh xảy ra, cần báo cho giảng viên và bảo vệ nhà trường biết để kịp thời xử lý.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Các bài kiểm tra đánh giá và thi cuối kỳ đều thi tự luận hoặc trắc nghiệm, do đó nếu sinh viên vi phạm quy chế thi cần phải áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của Nhà trường.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngàyTháng....năm 202
Người xây dựng đề cương

TS. Nguyễn Thị Kim Dung

ThS. Phạm Thị Mai